

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔN (LÀNG) NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ

Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tụ		Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ		Thôn Đăk Ri Peng II, xã Tân Cảnh		Thôn 5, xã Diên Bình		Thôn Đăk Manh II, xã Đăk Rơ Nga		Thôn Đăk Lung, xã Kon Đào		Thôn Măng Rương, xã Văn Lem		Thôn Đăk Mơ Ham, xã Pô Kô		Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm		Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô	
		Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)	Đạt/ C.đạt	Mức độ đạt (%)
TỔNG CHUNG																					
1. Giao thông																					
1.1. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (Tổng số km đường trục thôn Đường đảm bảo đạt loại B, C; Đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 4m, mặt đường tối thiểu 3,0m. Trường hợp bất khả kháng (không thể giải phóng được đối với nhà cửa, vật kiến trúc kiên cố xây dựng trước thời điểm công bố quy hoạch) mặt đường tối thiểu 2,0m)	Đạt 100%	C.đạt	90.46%	Đạt	100.00	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
1.2. Đường ngõ, xóm được sạch và đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm (Cứng hóa: nhựa hóa, bê tông, cấp phối hoặc đá dăm, gạch vờ, cuội sỏi... được lu lèn (Đường đảm bảo đạt loại D; Đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 2m, mặt đường tối thiểu 1,5m)	100% (70% được cứng hóa)	Đạt	100%	Đạt	100.00	Đạt	100%	Đạt	100% (cứng hóa 84,7%)	Đạt	100%	Đạt	100% (cứng hóa 81,78%)	Đạt	1.00	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
1.3. Đường trục thôn, ngõ xóm đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp (Các tuyến đường có rãnh thoát nước, cây xanh bóng mát (khoảng cách cây tối thiểu 20m), hoặc trồng hoa ven đường; có hệ thống đèn chiếu sáng)	70%	C.đạt	60%	C.đạt	60	C.đạt	13.73%	Đạt	70%	C.đạt	60%	C.đạt	26%	Đạt	70%	Đạt	70%	C.đạt	62%	C.đạt	50%
2. Điện (Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn)	100%	Đạt	100%	Đạt	100	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
3. Cơ sở vật chất văn hóa :Thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (Nhà Văn hóa (nhà xây, nhà Rông, Nhà Dài, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Đình làng, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân). Đảm bảo 02 điều kiện: - Diện tích đất quy hoạch cho Nhà Văn hóa từ 100m² trở lên; Khu Thể thao từ 200m² trở lên. Quy mô xây dựng Nhà Văn hóa là từ 50 chỗ ngồi trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4. Thông tin và Truyền thông: Thôn có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt (Thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt (tối thiểu 80% hộ gia đình trong thôn nghe được loa truyền thanh của thôn).	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.đạt	35%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.Nhà ở dân cư:	Đạt	Đạt	Đạt																		
5.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Không	Đạt	Không	Đạt	Không	Đạt	Không	C.đạt	13 nhà tạm	Đạt	8 nhà tạm	C.đạt	12 nhà tạm	C.đạt	02 nhà tạm	C.đạt	07 nhà tạm	C.đạt	02 nhà tạm
5.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 75 %	Đạt	100%	đạt	100	C.đạt	59.34%	Đạt	89.00%	Đạt	100%	Đạt	77.58%	Đạt	91.9%	Đạt	95.65%	Đạt	84.52%	Đạt	86%
5.3. Vườn nhà được chỉnh trang, không còn các loại cây dại, cây tạp; bố trí và trồng các loại cây trồng phù hợp, hiệu quả, có thu nhập.	80%	C.đạt	54.26%	Đạt	83.33	C.đạt	54.26%	C.đạt	62%	C.đạt	5%	C.đạt	25%	C.đạt	44.8%	C.đạt	52.17%	C.đạt	70%	Đạt	80%
5.4. Hộ gia đình có hàng rào xung quang nhà (tuồng xây, hàng rào xanh...), có công được xây dựng hài hòa, phù hợp với phong cảnh làng quy	80%	C.đạt	58.13%	Đạt	8020%	C.đạt	44.71%	C.đạt	65%	C.đạt	5%	C.đạt	48.27%	C.đạt	18.18%	C.đạt	52.17%	C.đạt	64.88%	Đạt	85%
6. Thu nhập (Thu nhập bình quân đầu người không thấp hơn 20% so với mức tối thiểu quy định đạt chuẩn của xã nông thôn mới tại thời điểm (theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới)	Đạt	C.đạt	25 triệu	C.đạt	Hiện nay UBND xã chưa đánh giá được mức thu nhập	C.đạt	33,27 triệu đồng/người /năm	Đạt	37,52 triệu đồng/người /năm	C.đạt	C.đạt	30 triệu đồng/người /năm	C.đạt	32 triệu đồng/người /năm	C.đạt	C.đạt	C.đạt	C.đạt	20 triệu đồng/người /năm	C.đạt	32 triệu đồng/người /năm
7. Hộ nghèo (Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đạt tỷ lệ tối thiểu (cao hơn không quá 10%) so với tỷ lệ quy định của xã nông thôn mới tại thời điểm).	Đạt	C.đạt	24.03%	Đạt	7.29	Đạt	7.95%	C.đạt	8.77%	C.đạt	34.63%	C.đạt	76.72%	C.đạt	23.29%	C.đạt	32.6%	C.đạt	13.44%	Đạt	2.34%
8. Văn hóa, Giáo dục và Y tế																					
8.1. 100% trẻ 6 tuổi được vào lớp 1; tỷ lệ học đúng độ tuổi đạt từ 90% trở lên; 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học Trung học cơ sở.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.2. Thôn được công nhận và giữ vững “Khu dân cư văn hóa”.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100.00	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa	≥ 80%	Đạt	93.98%	Đạt	92.31	Đạt	96.70%	Đạt	92.08%	Đạt	92.31%	Đạt	86.36%	Đạt	87.85%	Đạt	93.48%	Đạt	92.08%	Đạt	84.00%

8.4. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	Đạt	100%	Đạt	100	C.đạt	45.84%	C.đạt	49.90%	Đạt	100%	Đạt	93.53%	Đạt	100.00%	Đạt	100%	Đạt	98%	C.đạt	38%
9. Môi trường và an toàn thực phẩm				Đạt																	
9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định	≥ 30%	Đạt	100%	Đạt	100	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	70%
9.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	≥ 70%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	80%
9.3. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra đường	Đạt	Đạt	100%	Đạt	100	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9.4. Định kỳ 1 lần/tháng tổ chức dọn vệ sinh chung đường làng, ngõ xóm, các công trình công cộng trên địa bàn thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).	≥ 70%	C.đạt	56.58%	Đạt	72.91	Đạt	70.06%	Đạt	80%	C.đạt	61%	C.đạt	53%	Đạt	89.6%	Đạt	71.74%	Đạt	80%	Đạt	78%
9.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 70%	Đạt	96.99%	Đạt	100	C.đạt	65.2%	C.đạt	63.13%	C.đạt	68%	Đạt	76.00%	C.đạt	11.90%	Đạt	100%	C.đạt	29.79%	Đạt	80.00%
9.7. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Đạt	100.00%	Đạt	100	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
10. An ninh, trật tự xã hội																					
10.1. Có hương ước, quy ước được xây dựng và công nhận theo quy định; tối thiểu từ 95% người dân trong thôn cam kết thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng; có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10.2. Thôn (làng) không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.đạt	C.đạt	Đạt	C.đạt	Đạt	C.đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tổng số tiêu chí đạt		5/10		8/10		5/10		5/10		4/10		5/10		6/10		7/10		5/10		6/10	

Ghi chú:

PHỤ LỤC RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Huyện	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022	
					Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
1	Quy hoạch					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
<i>Tổng Km đường trục xã</i>						11.5		11.5		27.5		27.5
<i>Đã được cứng hóa đạt chuẩn</i>						11.5		11.5		27.5		27.5
2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		%	100%			100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
<i>Tổng Km đường trục thôn</i>						17.8		17.8		2.53		17.8
<i>Đã được cứng hóa đạt chuẩn</i>						16.12		17.78		2.53		17.78
2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		%	100%			91%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%
<i>Tổng Km trục đường ngõ, xóm</i>						2.53		2.53		8.94		2.53
<i>Trong đó sạch và không lầy lội</i>						2.53		2.53		8.94		2.53
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm		%	100% (80% được cứng hóa			100%	Đạt	100% (87,37%)	Đạt	100% (91,83%)	Đạt	100% (87,37%)
<i>Tổng số đường trục chính nội đồng</i>						28.88		28.88		16.23		28.88

<i>Tổng số thôn</i>					7		7		8		8	
<i>Thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn</i>					7		7		8		8	
<i>Đạt tỷ lệ</i>					100%		100%		100%		100%	
6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc		%	100%		100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao		Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không		không	Đạt	không	Đạt	không	Đạt	không	Đạt
<i>Tổng số nhà</i>					1804		1832		1680		1832	
<i>Số nhà kiên cố, bán kiên cố</i>					1763		1763		1405		1763	
9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên		%	≥75%		98%	Đạt	96%	Đạt	84%	Đạt	96%	Đạt
10	Thu nhập					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người/năm</i>)		Năm 2021	≥41		42.08	Đạt			53.34	Đạt		
		Năm 2022	≥44	37.1925				45.67	Đạt		45.67	Đạt
		Năm 2023	≥47									
		Năm 2024	≥50									
		Năm 2025	≥53									
11	Nghèo đa chiều					Đạt		C.Đạt		Đạt		Đạt
<i>Tổng số hộ dân cư đã trừ hộ nghèo không có</i>				8699			1889				1837	
<i>Số hộ nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo không có khả năng lao động)</i>				1286			138				64	
<i>Tỷ lệ</i>				14.78%			7.31%				3.48%	
<i>Tổng số hộ dân cư đã trừ hộ cận nghèo</i>				8850			1912				1837	
<i>Số hộ cận nghèo đa chiều (đã trừ hộ cận nghèo không có khả năng lao động)</i>				694			75				60	
<i>Tỷ lệ</i>				7.84%			3.92%				3.27%	
Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025			≤ 8,5%	22.6%	2.44%	Đạt	11.23%	C.Đạt	2.04%	Đạt	6.75%	Đạt
12	Lao động					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
<i>Lực lượng lao động</i>							5011				3148	
<i>Số lao động qua đào tạo</i>							4275				2907	
12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng Đạt cho cả nam và nữ)		%	≥70%		94.90%	Đạt	85%	Đạt	92%	Đạt	92%	Đạt

Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022					109		158		95		100		
Số HS tiếp tục học TH (PT, BT, học nghề)					78		135		72		90		
14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng Đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)			%	≥70%	72%	Đạt	85%	C.Đạt	76%	Đạt	90%	Đạt	
15	Y tế					C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt	
Tổng số người dân đang sinh sống tại xã					33015	8209	8375		6303		5946		
Số người dân đang sinh sống tại xã tham gia					29532	6355	6274		4919		4998		
15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế			%	≥90%	89.5%	77.4%	C.Đạt	74.9%	C.Đạt	78.0%	C.Đạt	84.1%	C.Đạt
15.2. Xã Đạt tiêu chí quốc gia về y tế			Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
Tổng số trẻ dưới 5 tuổi						829	829		758		758		
Tổng số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể						169	169		172		172		
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh			%	≤24%	20.4%	Đạt	20.4%	Đạt	22.7%	Đạt	22.7%	Đạt	
Tổng dân số							8375				5997		
Tổng số dân có sổ khám chữa bệnh							8211				5776		
15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử			%	≥50%			98.0%	Đạt			96.3%	Đạt	
16	Văn hoá					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt	
Tỷ lệ thôn, bản, ấp Đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.			%	70%	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt	
17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn			Xã thuộc khu vực III	≥20% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)									
			Xã không thuộc khu vực III	≥30% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	97.57%	Đạt	59.20%	Đạt	97.38%	Đạt	55.20%	Đạt	
17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.			%	≥90%	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	
17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn			≥2m2/người	Đạt			4,03 m2/người	Đạt			2,96 m2/người	Đạt	

17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
<i>Tổng số khối lượng chất thải rắn không phát sinh trên địa bàn</i>						57.4					
<i>Tổng số khối lượng chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý</i>						54.5					
17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	%	≥70%			Đạt	94.9%	Đạt		Đạt	95.0%	Đạt
<i>Tổng khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế</i>						440					
<i>Tổng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý</i>						440					
17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100%				100%	Đạt			100%	Đạt
<i>Tổng số hộ</i>						1832				1813	
<i>Tổng số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch</i>						1668				1693	
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%		93.90%	Đạt	91.05%	Đạt	93.57%	Đạt	93.38%	Đạt
<i>Tổng số hộ chăn nuôi</i>						277				136	
<i>Tổng số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường</i>						224				125	
17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	%	≥60%		82.90%	Đạt	80.87%	Đạt	98.10%	Đạt	91.91%	Đạt
<i>Tổng hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm</i>						25				31	
<i>Tổng hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</i>						25				31	

18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt				Đạt	Đạt			Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tổng số tiêu chí Đạt						18		17		18		17

MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

Xã Kon Đào				Xã Pô Kô				Xã Ngọc Tú				Xã Đăk Trăm				Xã Đăk	
Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021	
Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		C.Đạt		Đạt
12.5		12.5		19.8		11.8		8.76		8.76		16.40		1.50		7.50	
12.5		12.5		19.8		11.8		8.76		8.76		16.40		1.50		7.50	
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
9.3		9.3		3.0		8.3		8.07		8.07		3.43		3.43		4.08	
9.0		9.0		2.7		8.3		7.20		7.20		3.43		3.43		3.83	
97.15%	Đạt	97%	Đạt	91.89%	Đạt	100%	Đạt	89.17%	Đạt	89.17%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	94%	Đạt
1.74		1.74		1.30		8.30		0.95		0.95		5.15		5.15		0.34	
1.74		1.74		1.30		8.30		0.95		0.95		5.15		5.15		0.34	
100% (72,93%)	Đạt	100% (85%)	Đạt	100% (70,77%)	Đạt	100% (97,6%)	Đạt	100% (93,68%)	Đạt	100% (93,68%)	Đạt	100% (93,4%)	Đạt	100% (93,4%)	Đạt	100%	Đạt
12.40		12.40		12.40		18.40		15.02		15.02		18.50		20.50		12.70	

7		7		5		5		6		6		7		7		5	
7		7		5		5		6		6		7		7		5	
100%		100%		100%		100%		100%		100%		100%		100%		100%	
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt		Đạt		Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt
không	Đạt	36	C.Đạt	16	C.Đạt	40	C.Đạt		Đạt		Đạt	44	C.Đạt	30	C.Đạt	41	C.Đạt
953				807		826		682		685		1031				886	
780				309		789		513		513		484				465	
81.85%	Đạt	96.17%	Đạt	38.29%	C.Đạt	95.52%	Đạt	75.22%	Đạt	74.89%	Đạt	46.94%	C.Đạt	65%	C.Đạt	52.48%	C.Đạt
	Đạt		Đạt		C.Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt
42	Đạt			29	C.Đạt			36.2	Đạt			30	C.Đạt			22	C.Đạt
		44	Đạt			29	C.Đạt			36.2	C.Đạt			43	C.Đạt		
	Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt
		1010				793				718				993			
		130				210				151				277			
		12.87%				26.48%				21.03%				27.90%			
		1019				828				720				1042			
		142				142				42				102			
		13.94%				17.15%				5.83%				9.79%			
2.94%	Đạt	26.81%	C.Đạt	14.62%	C.Đạt	43.63%	C.Đạt	6.3%	Đạt	26.86%	C.Đạt	8.34%	C.Đạt	37.68%	C.Đạt	15.34%	C.Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
		2852				1806				1436				4856			
		2139				1560				1315				3574			
93%	Đạt	75%	Đạt	91.6%	Đạt	86.38%	Đạt	91.6%	Đạt	91.57%	Đạt	93.0%	Đạt	73.60%	Đạt	91.3%	Đạt

67		89		81		70		44		31		70		81		54	
50		72		57		52		32		22		50		57		39	
75%	Đạt	81%	Đạt	70%	Đạt	74%	Đạt	73%	Đạt	71%	Đạt	71%	Đạt	70%	Đạt	72%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
4578		4578		3489		3600		3296		3600		4698				3779	
4065		4144		3489		3600		3296		3600		4698				3779	
88.8%	Đạt	90.5%	Đạt	100.0%	Đạt	100.0%	Đạt	100.0%	Đạt	100.0%	Đạt	100.0%	Đạt	98.0%	Đạt	100.0%	Đạt
	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
631		583		505		537		500		506						665	
143		130		125		125		161		162						197	
22.7%	Đạt	22.3%	Đạt	24.8%	Đạt	23.3%	Đạt	32.2%	Đạt	32.0%	Đạt	31.6%	Đạt	26.0%	Đạt	29.6%	Đạt
		4578				3600											
		3434				3320											
		75.0%	Đạt			92.2%	Đạt			chưa đánh giá	Đạt			<50%	Đạt		
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		C.Đạt		Đạt
97.61%	Đạt	55.20%	Đạt	91.09%	Đạt	32.10%	Đạt	32.40%	Đạt	32.40%	Đạt	91.75%	Đạt	>30%	Đạt	89.65%	Đạt
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.Đạt	C.Đạt	Đạt	Đạt
		4,01 m2/người	Đạt				Đạt				Đạt			C.Đạt	C.Đạt		

Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
										36.3							
										28							
	Đạt	85.0%	Đạt		Đạt	100.0%	Đạt		Đạt	77.1%	Đạt		Đạt		C.Đạt		Đạt
										125							
										125							
		100%	Đạt			100%	Đạt			100.0%	Đạt				C.Đạt		
		953				826		690		682						886	
		857				782		471		479						576	
98.60%	Đạt	89.93%	Đạt	81.70%	Đạt	94.67%	Đạt	68.26%	Đạt	70.23%	Đạt	60.00%	Đạt		C.Đạt	65.01%	Đạt
						161				340				295		286	
						161				276				142		188	
84.20%	Đạt	85.00%	Đạt	87.00%	Đạt	100.00%	Đạt	80.80%	Đạt	81.18%	Đạt	60.00%	Đạt	48.14%	C.Đạt	65.73%	Đạt
						29				24							
						29				24							

		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt		
	Đạt		C.Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		Đạt		C.Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	C.Đạt	C.Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.Đạt	C.Đạt
	18		15		15		15		19		17		15		13		14

Rơ Nga		Xã Văn Lem			
Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022	
Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
		<i>11.00</i>			
		<i>11.00</i>			
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
<i>9.70</i>		<i>3.11</i>			
<i>9.70</i>		<i>3.11</i>			
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
<i>5.70</i>		<i>0.90</i>			
<i>5.70</i>		<i>0.90</i>			
100% (98%)	Đạt	100%	Đạt	90%	Đạt
<i>12.70</i>		<i>21.62</i>			

<i>11.09</i>		<i>17.00</i>			
87.3%	Đạt	78.6%	Đạt	80.0%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
<i>839</i>		<i>641</i>			
<i>839</i>		<i>641</i>			
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
	Đạt		C.Đạt		Đạt
3.00		2.00		2.00	
3.00				2.00	
100%				100%	
<i>3.00</i>		<i>1.00</i>		<i>2.00</i>	
100%		50%		100%	
100%	Đạt	50%	C.Đạt	100%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

5		5		5	
5		5		5	
100%		100%		100%	
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt
34	C.Đạt	42	C.Đạt	35	C.Đạt
893		641		629	
859		513		512	
96.19%	Đạt	80.03%	Đạt	81.40%	Đạt
	C.Đạt		C.Đạt		C.Đạt
		32	C.Đạt		
22	C.Đạt			32	C.Đạt
	C.Đạt		Đạt		C.Đạt
839				620	
201				115	
23.96%				18.55%	
871				621	
62				69	
7.12%				11.11%	
31.08%	C.Đạt	6.84%	Đạt	29.66%	C.Đạt
	C.Đạt		Đạt		C.Đạt
1425					
460					
32.28%	C.Đạt	100.0%	Đạt	37.90%	C.Đạt

460					
32%	Đạt			38%	Đạt
	C.Đạt		Đạt		C.Đạt
Chưa có	C.Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
C.Đạt	C.Đạt			C.Đạt	C.Đạt
Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
C.Đạt	C.Đạt			C.Đạt	C.Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

54		47		37	
39		33		26	
72%	Đạt	70%	Đạt	70%	Đạt
	C.Đạt		Đạt		C.Đạt
4095		2821		2821	
4095		2821		2821	
100.0%	Đạt	100.0%	Đạt	100.0%	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
684		462		468	
194		159		160	
28.4%	C.Đạt	34.4%	Đạt	34.2%	C.Đạt
4095					
60					
1.5%	C.Đạt			100.0%	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
	C.Đạt		Đạt		Đạt
	Đạt	86.50%	Đạt		Đạt
	Đạt	100%	Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
C.Đạt	C.Đạt			Đạt	Đạt

Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
	Đạt				Đạt
893		641		647	
582		386		581	
65.17%	C.Đạt	60.22%	Đạt	89.80%	Đạt
	Không đánh giá	51.03%	Đạt	60.00%	Đạt
44				24	
44				24	

100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
				629	
				249	
65%	Đạt			40%	Đạt
65.0%	Đạt			32.0%	Đạt
	Đạt		Đạt		C.Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.Đạt	C.Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C.Đạt	C.Đạt

Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
	Đạt		Đạt		Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	12		16		12

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Thôn 1, Xã Diên Bình				Thôn 1, Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
3.3.	Có một số dụng cụ thể dục thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng tại địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Thông tin và Truyền thông				Đạt		C.Đạt		Đạt		Đạt
	Thôn có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. Đạt	C.Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Nhà ở dân cư				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
5.1.	Nhà tạm, dột nát	không	Không								
	<i>Tổng số hộ</i>									221	
	<i>Số nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố</i>									202	
5.2.	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	%	≥ 85%	96%	Đạt	97.0%	Đạt	91.66%	Đạt	91.4%	Đạt
	<i>Tổng số hộ có vườn</i>									140	
	<i>Tổng số hộ có vườn được chỉnh trang</i>									112	
5.3.	Vườn nhà (nếu có) được chỉnh trang, không còn các loại cây dại, cây tạp; bố trí và trồng các loại cây trồng phù hợp, hiệu quả.	%	80%	85%	Đạt	85.0%	Đạt	80%	Đạt	80.0%	Đạt
	<i>Tổng số hộ</i>									221	
	<i>Số hộ có hàng rào</i>									185	
5.4.	Hộ gia đình có hàng rào xung quang nhà (tường xây, hàng rào xanh...), có công được xây dựng hài hòa, phù hợp với phong cảnh làng quê.	%	80%	100% (60%)	Đạt	99.0%	Đạt	100% (70%)	Đạt	83.7%	Đạt
6	Thu nhập				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Thôn 1, Xã Diên Bình				Thôn 1, Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
	Thu nhập bình quân đầu người cao hơn tối thiểu từ 10% so với mức tối thiểu quy định đạt chuẩn của xã nông thôn mới tại thời điểm (theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới)	Đạt	Đạt	64 triệu đồng/người/năm	Đạt	52,85 triệu đồng/người/năm	Đạt	60 triệu đồng/người/năm	Đạt	64 triệu đồng/người/năm	Đạt
7	Hộ nghèo				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
	Không còn hộ nghèo (trừ các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).	Đạt	Đạt	còn 04 hộ nghèo, trong đó có 03 hộ nghèo BTXH, 01 hộ nghèo bị bệnh hiểm nghèo	Đạt	còn 04 hộ nghèo, trong đó có 03 hộ nghèo BTXH, 01 hộ nghèo bị bệnh hiểm nghèo	Đạt	có 2 hộ nghèo, trong đó 02 hộ nghèo đều do bệnh hiểm nghèo	Đạt	0	Đạt
8	Văn hóa, Giáo dục và Y tế				Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt
	8.1. 100% trẻ 6 tuổi được vào lớp 1; tỷ lệ học đúng độ tuổi đạt từ 90% trở lên; 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học lớp 6.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	8.2. Thôn đạt chuẩn “Khu dân cư văn hóa” theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	8.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa.	%	≥ 90%	98.51%	Đạt	97.54%	Đạt	93.70%	Đạt	93.70%	Đạt
	8.4. Có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa - xã hội phù hợp với điều kiện, tập quán tại địa phương ⁽⁸⁾ .	Đạt	Đạt			Chưa có	C.Đạt			Chưa có	C.Đạt
	8.5. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động thể dục, thể thao.	%	≥ 30%	32.25%	Đạt	34.29%	Đạt	35%	Đạt	49.30%	Đạt
	8.6. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	%	≥ 90%	96.35%	Đạt	92.87%	Đạt	97.55%	Đạt	97.55%	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Thôn 1, Xã Diên Bình				Thôn 1, Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
9	Môi trường và an toàn thực phẩm				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	%	≥30%	100%	Đạt	86.80%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	
9.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	%	≥90%			100%	Đạt			98.50%	Đạt	
9.3. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường (có hố rác sinh hoạt, không vứt rác bừa bãi, xác động vật chết ra đường...).	%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt	
9.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	%	≥ 50%			52%	Đạt			54%	Đạt	
9.5. Định kỳ 1 lần/tháng tổ chức dọn vệ sinh chung đường làng, ngõ xóm, các công trình công cộng trên địa bàn thôn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥ 90%			99%	Đạt			92.08%	Đạt	
9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	%	≥ 90%			91%	Đạt			91.60%	Đạt	
9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt	
10	An ninh, trật tự xã hội				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Thôn 1, Xã Diên Bình				Thôn 1, Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
10.1. Có hương ước, quy ước được xây dựng và công nhận theo quy định; 100% người dân trong thôn cam kết thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng; có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10.2. Thôn (làng) không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10.3. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động cộng đồng, cuộc vận động, phong trào thi đua, do địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể phát động.	%	≥ 80%	90%	Đạt	100%	Đạt	80%	Đạt	100%	Đạt	Đạt
10.4. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật; không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước Nhân dân.	%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt	Đạt
Tổng số tiêu chí Đạt					10		8		10		9

PHỤ LỤC RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ DIÊN BÌNH VÀ TÂN CẢNH

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
1	Quy hoạch				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
2	Giao thông				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định		%	50%		Đạt	100%	Đạt		Đạt	100%	Đạt
2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	%	100%	100% (87,37%)	Đạt	90.66%	Đạt	100 % (81,47%)	Đạt	100%	Đạt
	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	%	50%		Đạt	50%	Đạt		Đạt	50%	Đạt
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		%	≥85%			87.37%	Đạt			87.40%	Đạt
2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa		%	80%			80.00%	Đạt			80%	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động		%	≥90%			96.50%	Đạt			98%	Đạt
3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước		%	20%			20%	Đạt			20%	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
3.4.	Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
3.5.	Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
3.6.	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá			Khá	Đạt			Khá	Đạt
4	Điện				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	%	≥98%	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt
5	Giáo dục				C.Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
5.1.	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	%	100%	C.Đạt	C.Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.2.	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.3.	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.4.	Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5.5.	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá			Chưa được đánh giá				Chưa được đánh giá	
5.6.	Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
6	Văn hóa				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
6.1.	Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
6.2.	Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
6.3.	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
	8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	%	55%			80%	Đạt			80%	Đạt
	8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội.				Đạt				Đạt
			- Xã có 100% địa chỉ được gán, cập nhật địa chỉ bưu chính (gắn với bản đồ V – MAP)				Đạt				Đạt
	8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	≥1 địa điểm				Đạt				Đạt
9	Nhà ở dân cư				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	%	85%			96%	Đạt			100	Đạt
10	Thu nhập				Đạt		C.Đạt		Đạt		Đạt
	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	Năm 2021	≥48	42.08	Đạt			53.34	Đạt		
		Năm 2022	≥52				45.67	C.Đạt		53.34	Đạt
		Năm 2023	≥56								
		Năm 2024	≥60								
		Năm 2025	≥64								
11	Nghèo đa chiều				Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt
	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		≤ 5%	1.95%	Đạt	12.10%	C.Đạt	2.01%	Đạt	7.72%	C.Đạt
12	Lao động				Đạt		Đạt		C.Đạt		Đạt
	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥75%	70.01%	Đạt	85.39%	Đạt	40.76%	C.Đạt	92.34%	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh				
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	
12.2.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥25%			27.16%	Đạt			38.40%	Đạt	
12.3.	Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	%	10%			82.20%	Đạt			50%	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn					Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt
13.1.	Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	HTX	≥1				Đạt					C.Đạt
13.2.	Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	SP	≥1 sản phẩm									C.Đạt
13.3.	Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	MH	≥1		Đạt				C.Đạt	Đạt		Đạt
13.4.	Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	≥1									C.Đạt
13.5.	Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	%	≥10									C.Đạt
13.6.	Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Vùng	≥1									C.Đạt
13.7.	Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt									C.Đạt
13.8.	Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	MH	≥1									C.Đạt
14	Y tế					Đạt		C.Đạt		Đạt		C.Đạt
14.1.	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥95%			74.91%	C.Đạt			84.10%		C.Đạt
14.2.	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥90%			97.60%	Đạt			97%		Đạt
14.3.	Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥40%			Chưa có số liệu				Chưa có số liệu		
14.4.	Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	%	≥70%			98.04%	Đạt			96.29%		Đạt
15	Hành chính công					Đạt		Đạt		Đạt		Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận		≥1	≥1				Đạt				Đạt
16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công.		%	≥90%			100%	Đạt			100%	Đạt
16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu		%	≥90%			100%	Đạt			100%	Đạt
17	Môi trường				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường		Đạt	Đạt			Không có	Đạt			Không có	Đạt
17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		%	100%			100.00%	Đạt			100%	Đạt
17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		%	≥80%			95%	Đạt			95%	Đạt
17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		%	≥30%			50%	Đạt			50%	Đạt
17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn		%	≥50%			60%	Đạt			60%	Đạt
17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường		%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt
17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường		%	≥80%			80%	Đạt			80%	Đạt
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường		%	≥75%			80.86%	Đạt			91.90%	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
17.9.	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt			Đạt	Đạt				
17.10.	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥5%			Không có	Đạt			Không có	Đạt
17.11.	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	Đạt				Đạt				Đạt
17.12.	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	%	≥50%			50%	Đạt			50%	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống					Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
18.1.	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III	≥35%			59.20%	Đạt			55.2	Đạt
		Xã thuộc khu vực III	≥25%								
18.2.	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥60 lít			≥ 60 lít	Đạt			60 lít	Đạt
		Xã thuộc khu vực III	≥40 lít								
18.3.	Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥25%				Đạt			100%	Đạt
		Xã thuộc khu vực III	≥20%								
18.4.	Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	%	100%			100%	Đạt			100%	Đạt
18.5.	Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Đạt				Đạt			Không	Đạt
18.6.	Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	%	100%				Đạt				Đạt
18.7.	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	%	≥80%			91.04%	Đạt			93.43%	Đạt
18.8.	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	%	100%			Không có	Đạt			Không có	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Quy định của Bộ tiêu chí	Xã Diên Bình				Xã Tân Cảnh			
				Năm 2021		Tháng 9 năm 2022		Năm 2021		Tháng 9 năm 2022	
				Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt	Mức độ Đạt (%)	Đạt/ C.Đạt
19	Quốc phòng và An ninh				Đạt		Đạt		Đạt		Đạt
19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả		Đạt	Đạt			Đạt	Đạt			Đạt	Đạt
Tổng số tiêu chí Đạt							15				16